

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 135/2025/HNGĐ-ST

Ngày 31 – 10 – 2025

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Quốc Cường

Ông Hà Trọng Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Huyền Trang – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 1- Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 31 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 01/01/1969. Số CCCD 0...9 cấp ngày 20/8/2021. Địa chỉ: Khóm T, phường A, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1973. Số CCCD 0...5. Địa chỉ: Khóm T, phường A, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Th chung sống như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay không còn tình cảm nên ông C yêu cầu ly hôn với bà Th.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/3/1994 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 16/8/2003, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị Th trình bày: Về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như ông C trình bày. Bà và ông C kết hôn có tổ chức cưới gả theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Nay ông C yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/3/1994 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 16/8/2003, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà đi làm xa không có thời gian đến Tòa án theo triệu tập nên bà yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà. Bà không khiếu nại gì về việc giải quyết vụ án vắng mặt bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Th chung sống với nhau từ năm 1992, không đăng ký kết hôn. Ông C yêu cầu ly hôn với bà Th. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với bà Nguyễn Thị Th, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đề triệu tập bà Th đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Th, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông C và bà Th chung sống như vợ chồng, có con chung nhưng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của ông bà không hợp pháp không được pháp luật bảo vệ. Nay ông C yêu cầu ly hôn với bà Th. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận mối quan hệ giữa ông C và bà Th là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông C và bà Th thống nhất xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/3/1994 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 16/8/2003, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà Th thống nhất xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu phân chia và không có nợ chung. Đến nay không có cá nhân, tổ chức nào yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm trả nợ của ông C và bà Th. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 228, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Th là vợ chồng.

Về con chung: Hai người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/3/1994 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 16/8/2003, đã trưởng thành. Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn C phải nộp. Ngày 01/10/2025 ông Nguyễn Văn C đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000659 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu